

**TỜ TRÌNH**

**Thông qua Nghị quyết về Dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao cho tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020; theo đó, Sở Tài chính đã xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định. Ngày 15/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và thống nhất trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020.

Trên đây là Tờ trình thông qua Nghị quyết về Dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị (kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh) (sau Hội nghị thẩm tra)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Phòng TH (Đa);
- Phòng KT (Đ11.18);
- Lưu: VT, M.A16/11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Văn Bi**

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 12 năm 2019

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-TTg ngày ..... tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số ...../QĐ-BTC ngày ..... tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ ngân sách năm 2020; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày ... tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, Kỳ họp thứ 11 đã thảo luận và thống nhất,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020, gồm:

- |  |                        |
|--|------------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: | 5.695.000 triệu đồng.  |
| a) Thu nội địa:                              | 5.673.000 triệu đồng;  |
| b) Thu thuế xuất, nhập khẩu:                 | 22.000 triệu đồng.     |
| 2. Tổng nguồn thu ngân sách địa phương:      | 11.419.299 triệu đồng. |
| a) Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp:   | 5.327.960 triệu đồng;  |
| - Các khoản thu hưởng 100%:                  | 2.426.650 triệu đồng;  |

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm:	2.901.310 triệu đồng.
b) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:	5.950.299 triệu đồng.
- Bổ sung cân đối (thời kỳ ổn định):	3.196.428 triệu đồng;
- Bổ sung cân đối tăng thêm năm 2020:	129.000 triệu đồng;
- Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,49 triệu đồng:	302.470 triệu đồng;
- Bổ sung có mục tiêu:	2.322.401 triệu đồng;
c) Thu từ nguồn vay:	21.000 triệu đồng.
d) Thu từ nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang:	120.040 triệu đồng.
3. Tổng chi ngân sách địa phương:	11.419.299 triệu đồng.
a) Tổng chi trong cân đối ngân sách địa phương:	9.242.188 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển:	2.680.097 triệu đồng;
<i>Trong đó: Trả nợ gốc theo Điều 7, Luật Ngân sách nhà nước: 29.939 triệu đồng.</i>	
+ Chi thường xuyên:	6.388.442 triệu đồng;
+ Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay:	900 triệu đồng;
+ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	1.000 triệu đồng;
+ Dự phòng ngân sách:	171.749 triệu đồng.
b) Chi các chương trình mục tiêu:	2.177.111 triệu đồng.

*(Kèm theo Biểu mẫu số 15, 16, 17, 18 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ).*

## **Điều 2.** Một số giải pháp thực hiện dự toán ngân sách năm 2020

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tổ chức đẩy mạnh phát triển kinh tế để tạo cơ sở tăng thu ngân sách. Tăng cường công tác khai thác các nguồn thu, sắc thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật; trong đó, tập trung khai thác nguồn thu tiền sử dụng đất, thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh. Thực hiện các biện pháp đồng bộ và chỉ đạo kiên quyết chống thất thu thuế, nợ thuế, thu hồi các khoản nợ đọng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách nhà nước.

2. Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện nghiêm chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Trong đầu tư xây dựng cơ bản cần tuân thủ đúng các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành; chỉ bố trí vốn cho các dự án, công trình đủ điều kiện ghi kế hoạch vốn theo quy định; chủ động bố trí nguồn thanh toán nợ vay của ngân sách địa phương phải

trả khi đến hạn; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, công trình trọng điểm, bức xúc và những công trình chuyển tiếp để sớm đưa vào sử dụng; đẩy nhanh tiến độ giải ngân và không để phát sinh nợ đọng trong đầu tư. Thúc đẩy và khuyến khích xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và một số lĩnh vực khác.

3. Các sở, ngành, chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; tập trung chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, công trình xây dựng cơ bản của cấp mình quản lý, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

4. Trong quá trình điều hành dự toán ngân sách năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phấn đấu thu vượt dự toán được giao để có điều kiện tăng chi ngân sách. Các địa phương xây dựng, điều hành dự toán ngân sách gắn chặt với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

**Điều 3.** Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách năm 2020. Trong quá trình điều hành nếu có phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo luật định.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp, nhất là ngành Tài chính phải quyết tâm phấn đấu khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế; quản lý chặt chẽ chi ngân sách, nhằm thực hiện hoàn thành dự toán thu, chi ngân sách năm 2020.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, TP Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Hiện**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>9.696.251</b>	<b>12.502.721</b>	<b>11.419.299</b>	<b>-1.083.422</b>	<b>91,33</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>4.143.352</b>	<b>4.796.010</b>	<b>5.327.960</b>	<b>531.950</b>	<b>111,09</b>
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.522.095	1.765.090	2.426.650	661.560	137,48
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.621.257	3.030.920	2.901.310	-129.610	95,72
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.436.893</b>	<b>5.571.308</b>	<b>5.950.299</b>	<b>850.865</b>	<b>106,80</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.196.428	3.196.428	3.196.428	0	100,00
2	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương đầu năm	254.529	254.529	302.470	47.941	118,84
3	Thu bổ sung có mục tiêu	1.921.936	2.056.351	2.322.401	266.050	112,94
	<i>Trong đó: Bao gồm bổ sung bù giảm thu để đảm bảo mặt bằng chi thường xuyên</i>	<i>145.290</i>	<i>145.290</i>	<i>145.290</i>	<i>0</i>	<i>100,00</i>
4	Thu bổ sung cân đối tăng thêm	64.000	64.000	129.000	65.000	201,56
<b>III</b>	<b>Thu từ nguồn vay</b>	<b>21.000</b>	<b>0</b>	<b>21.000</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>	<b>0</b>	<b>122.724</b>			
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>95.006</b>	<b>2.012.679</b>	<b>120.040</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>9.696.251</b>	<b>12.502.721</b>	<b>11.419.299</b>	<b>1.723.048</b>	<b>117,77</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>7.919.605</b>	<b>8.674.185</b>	<b>9.242.188</b>	<b>1.322.583</b>	<b>116,70</b>
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.793.270	1.952.257	2.680.097	886.827	149,45
2	Chi thường xuyên	5.966.959	6.717.838	6.388.442	421.483	107,06
3	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.090	3.090	900	-2.190	29,13
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	155.286		171.749	16.463	110,60
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>1.776.646</b>	<b>2.468.987</b>	<b>2.177.111</b>	<b>400.465</b>	<b>122,54</b>
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	186.410	186.410	275.929	89.519	148,02
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.590.236	2.282.577	1.901.182	310.946	119,55
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	<b>0</b>	<b>1.359.549</b>			

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
C	BỘI CHI NSDP	21.000		21.000		
D	BỘI THU NSDP	56.189		29.939		
Đ	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	56.189	56.189	29.939	-26.250	53,28
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	21.000	0		0	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	35.189	56.189	29.939	-26.250	53,28
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	21.000	0	29.939		

Ghi chú: (1) Bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn năm 2020 là 29.939 triệu đồng.

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>5.130.000</b>	<b>4.796.010</b>	<b>5.695.000</b>	<b>5.327.960</b>	<b>111,01</b>	<b>111,09</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>5.110.000</b>	<b>4.796.010</b>	<b>5.673.000</b>	<b>5.327.960</b>	<b>111,02</b>	<b>111,09</b>
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.859.000	1.859.000	1.657.000	1.657.000	89,13	89,13
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	85.000	85.000	90.000	90.000	105,88	105,88
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	45.000	45.000	30.000	30.000	66,67	66,67
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	529.500	529.500	600.000	600.000	113,31	113,31
5	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	380.000	380.000	380.000	100,00	100,00
6	Thuế bảo vệ môi trường	400.000	148.800	430.000	159.960	107,50	107,50
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước (bằng 37,2% tổng thu)	148.800	148.800	159.960	159.960	107,50	107,50
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu (bằng 68,2% tổng thu)	251.200	0	270.040	0	107,50	
7	Lệ phí trước bạ	167.000	167.000	180.000	180.000	107,78	107,78
8	Thu phí, lệ phí	80.000	61.170	85.000	65.450	106,25	107,00
-	Phí và lệ phí trung ương	18.830	0	19.550	0	103,82	
-	Phí và lệ phí địa phương	61.170	61.170	65.450	65.450	107,00	107,00
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.800	1.800	0	0		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.600	4.600	4.000	4.000	86,96	86,96
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	32.620	32.620	50.000	50.000	153,28	153,28
12	Thu tiền sử dụng đất	340.000	340.000	843.000	843.000	247,94	247,94
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	700	700	0	0		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.030.000	1.030.000	1.150.000	1.150.000	111,65	111,65
15	Thu khác ngân sách	130.000	86.040	150.000	94.550	115,38	109,89
16	Thu cố định tại xã	6.430	6.430	2.000	2.000	31,10	31,10
17	Lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	16.000	16.000	20.000	20.000	125,00	125,00

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3/1</i>	<i>6=4/2</i>
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.350	2.350	2.000	2.000	85,11	85,11
<b>II</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>20.000</b>	<b>0</b>	<b>22.000</b>	<b>0</b>	<b>110,00</b>	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	16.516		21.000		127,15	
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu	3.000		1.000		33,33	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	97					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	387					
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ</b>						



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2020 THEO CƠ CẤU CHI**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Trương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>9.696.251</b>	<b>11.419.299</b>	<b>1.723.048</b>	<b>117,77</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>7.919.605</b>	<b>9.242.188</b>	<b>1.322.583</b>	<b>116,70</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>1.793.270</b>	<b>2.680.097</b>	<b>886.827</b>	<b>149,45</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.680.950	2.488.127	807.177	148,02
1.1	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCHB tập trung (1)	638.270	702.097	63.827	110,00
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	121.680	132.030	10.350	108,51
1.3	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thu mặt đất, mặt nước Nhà đầu tư ứng trước		483.000	483.000	
1.4	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	900.000	1.150.000	250.000	127,78
1.5	Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương	21.000	21.000	0	100,00
2	Chi bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	12.320	23.893	11.573	193,94
3	Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	100.000	168.077	68.077	168,08
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.966.959</b>	<b>6.388.442</b>	<b>421.483</b>	<b>107,06</b>
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.234.365	2.313.728	79.363	103,55
	- Sự nghiệp giáo dục	2.069.960	2.140.024	70.064	103,38
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	164.405	173.705	9.300	105,66
2	Chi khoa học và công nghệ	26.324	28.430	2.106	108,00
3	Quốc phòng	149.632	151.241	1.609	101,08
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội	29.525	36.330	6.805	123,05
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	614.597	620.520	5.923	100,96
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	64.676	67.226	2.550	103,94
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	22.987	22.024	-963	95,81
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	24.586	30.672	6.086	124,76
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	98.667	97.715	-952	99,04
10	Các hoạt động kinh tế	1.145.805	1.328.758	182.953	115,97

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
11	Chi quản lý hành chính	1.222.358	1.307.820	85.462	106,99
12	Chi đảm bảo xã hội	274.357	320.725	46.368	116,90
13	Chi khác ngân sách	59.081	63.252	4.171	107,06
III	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.090	900	-2.190	29,13
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100,00
V	Dự phòng ngân sách	155.286	171.749	16.463	110,60
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>1.776.646</b>	<b>2.177.111</b>	<b>400.465</b>	<b>122,54</b>
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>186.410</b>	<b>275.929</b>	<b>89.519</b>	<b>148,02</b>
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	47.092	51.919	4.827	110,25
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	82.800	224.010	141.210	270,54
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>1.590.236</b>	<b>1.901.182</b>	<b>310.946</b>	<b>119,55</b>
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (ODA)	412.651	418.900	6.249	101,51
2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	822.800	964.547	141.747	117,23
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách	354.785	517.735	162.950	145,93
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC VAY ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>56.189</b>	<b>29.939</b>	<b>-26.250</b>	<b>53,28</b>

Ghi chú: (1) Bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn năm 2020 là 29.939 triệu đồng.

**BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NSDP	4.796.010	5.327.960	531.950
B	CHI CÂN ĐỐI NSDP	8.674.185	9.242.188	568.003
C	BỘI THU NSDP			0
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	959.202	1.065.592	106.390
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	111.894	55.705	-56.189
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)			0
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			0
3	Vay trong nước khác	111.894	55.705	-56.189
II	Trả nợ gốc vay trong năm	56.189	29.939	-52.500
1	Theo nguồn vốn vay	56.189	29.939	-26.250
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
-	Vốn khác	56.189	29.939	-26.250
2	Theo nguồn trả nợ	56.189	29.939	-26.250
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			0
-	Bội thu NSDP	56.189	29.939	
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
III	Tổng mức vay trong năm	0	21.000	
1	Theo mục đích vay	0	21.000	
-	Vay để bù đắp bội chi		21.000	
-	Vay để trả nợ gốc		0	
2	Theo nguồn vay	0	21.000	

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		21.000	
-	Vốn trong nước khác			
<b>IV</b>	<b>Tổng dư nợ cuối năm</b>	<b>55.705</b>	<b>46.766</b>	<b>-29.939</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>			<b>0</b>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			<b>0</b>
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		21.000	
3	Vốn khác	55.705	25.766	-29.939
<b>G</b>	<b>TRẢ NỢ LÃI, PHÍ</b>	<b>3.090</b>	<b>900</b>	<b>-2.190</b>